

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2024/DS-ST
Ngày: 02-8-2024
“Tranh chấp hợp đồng xây dựng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên

Ông Cao Hoài Hiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 23/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng C, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt, đến khi tuyên án vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: số B, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần T1. Địa chỉ: Số F, đường M, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân M, sinh năm: 1976 - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

2. Công ty TNHH X. Địa chỉ: Số B, Quốc lộ E, ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công T, sinh năm: 1976 - Chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

3. Công ty TNHH Đ. Địa chỉ: Số E đường số E, khu phố I, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1 - Chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

4. Công ty TNHH T2 - DL C@C. Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hồng C - Chức danh: Giám đốc (có mặt, đến khi tuyên án vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T2 - DL C@C: Ông Võ Văn S, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Khu phố G, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng C trình bày: Ngày 14-01-2021, bà khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 2.764.000.000 đồng. Lý do yêu cầu: Ngày 04-12-2018, giữa bà (bên A) và ông Lê Quốc H (bên B) có ký hợp đồng 01 Hợp đồng “Về việc xây dựng và gia công hoàn thiện hạng mục phần thô (xây thô)” công trình xây dựng khách sạn một trệt, ba lầu, tại khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Theo đó, bên A giao cho bên B nhận khoán trọn gói thi công toàn bộ công trình gồm: cọc tim, sắt, thép xây dựng, cát, đá, xi măng và nhân công, để thi công hạng mục xây dựng phần thô. Bên B thiết kế theo yêu cầu và sự đồng ý của bên A. Yêu cầu kỹ thuật theo bản vẽ thiết kế thi công đã được hai bên thống nhất theo qui chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành. Giá trị công trình là 6.000.000.000 đồng. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 12 tháng tính từ ngày ép cọc và ký hợp đồng (tức ngày 04-12-2018).

Đi vào thực hiện hợp đồng, ông H xây dựng công trình kéo dài cho đến tháng 6-2020 mới hoàn thành. Nhưng ông H có nghiệm thu, không bàn giao công trình. Phần bà đã trả cho ông H số tiền 6.030.000.000 đồng, tức vượt 30.000.000 đồng so với hợp đồng, bà không có yêu cầu gì đối với phần trả vượt.

Trước khi thi công, ông H có đưa cho bà xem hồ sơ thiết kế kỹ thuật (bản phôi) có tên Công ty TNHH Đầu tư xây dựng H2, không có đóng mộc dấu của Công ty, bà có thắc mắc thì ông H trả lời đây là bản nháp, trong quá trình xây dựng ông H sẽ hoàn thiện theo đúng quy định. Sau đó, do thời gian thi công kéo dài, bà bận nhiều việc nên không kiểm tra lại. Khi công trình không đạt chất lượng, bà mới biết ông H đã xây dựng công trình không có bản thiết kế theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi xây dựng xong, bà không tìm được ông H để nghiệm thu công trình. Vì không chờ đợi được, bà đã thuê các đơn vị thi công khác để hoàn thành các hạng mục tiếp theo của công trình. Sau khi hoàn tất các hạng mục công trình chuẩn bị khai trương (khoảng tháng 4-2020), bà phát hiện công trình bị nghiêng về phía trước khoảng 15%, nhìn bằng mắt thường vẫn phát hiện được, tường bị nứt, kết cấu công trình bị biến dạng không thể sử dụng được.

Bà đi tìm và gặp được ông H, yêu cầu ông H khắc phục sự cố, ông H đồng ý và thuê Công ty X sửa chữa công trình.

Ngày 01-7-2020, Công ty TNHH MTV L do ông H làm Giám đốc có ký hợp đồng thi công về việc chỉnh ngay công trình về vị trí ban đầu với Công ty TNHH X, sau này đổi tên thành Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X), với giá trị hợp đồng là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi Công ty X đang thi công thì ông H bỏ đi, Công ty không liên lạc được nên dừng việc thi công.

Bà gặp đại diện Công ty X để tìm hiểu thì được biết việc ký hợp đồng chỉ là hình thức, vì với sự cố công trình như vậy không thể nào khắc phục được như nội dung hợp đồng mà ông H và Công ty X đã ký kết.

Đồng thời, Công ty X có gợi ý với bà là yêu cầu 01 Công ty kiểm định độc lập chất lượng công trình sau đó lên phương án khắc phục sự cố.

Tháng 10-2020 (hợp đồng không ghi ngày), bà ký hợp đồng với Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty T1) về việc kiểm định, đánh giá chất lượng, kết cấu hiện trạng công trình với số tiền là 50.000.000 đồng.

Kết quả kiểm định của Công ty T1 xác định: Độ nghiêng lún công trình bị đánh giá là nguy hiểm, khả năng chịu lực của kết cấu không thể đáp ứng được yêu cầu sử dụng bình thường, xuất hiện tình trạng nguy hiểm tổng thể. Nguyên nhân do không xem xét tài liệu địa chất trên khu vực thiết kế xây dựng; khu vực công trình trên nền cát san lấp 3,0-4,4 m, thi công ép hệ móng cọc BTCT ở độ sâu 6-7 mét, không có hồ sơ địa chất tại vị trí xây dựng, địa chất tại khu vực xây dựng phần lớn thân cọc nằm trong nền cát san lấp có độ chặt rời rạc, đang trong quá trình lún cố kết, không đảm bảo sức chịu tải nên dẫn đến công trình bị nghiêng.

Để khắc phục sự cố trên ngày 10-12-2020, bà ký hợp đồng thi công với Công ty X về việc khoan cọc nhồi, gia cường móng, chỉnh ngay nhà và hoàn thiện toàn bộ công trình với số tiền là 2.623.000.000 đồng. Công ty X khắc phục sự cố phải gia cố lại cọc với độ sâu từ 30-32 mét. Đến khoảng tháng 8-2021 thì hoàn thiện việc khắc phục sự cố. Đến ngày 09-5-2023 hai bên tiến hành nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng.

Ngoài ra, bà còn phải bỏ thêm số tiền 308.869.572 đồng để mua gạch men các loại sửa chữa do hậu quả của việc sụp lún gây ra.

Khi trình ký hợp đồng khắc phục sự cố với Công ty X, bà ký 03 hợp đồng. Trong đó, 02 hợp đồng với tư cách cá nhân với 02 khoản tiền ký kết hợp đồng khác nhau là 2.464.000.000 đồng và 2.623.000.000 đồng, ký cùng ngày 10-11-2020 và 01 hợp đồng ký ngày 10-12-2020 bà ký với tư cách đại diện (Giám đốc) Công ty TNHH T2 - DL C@C (gọi tắt là Công ty C2) với khoản tiền ký hợp đồng là 2.623.000.000 đồng.

Có sự việc trên là do một phần bà không hiểu quy định của pháp luật liên quan đến Công ty và cá nhân. Mặt khác, lúc ký hợp đồng với ông H bà chưa thành lập Công ty. Đến ngày 06-3-2020 bà được cấp giấy chứng nhận đăng ký danh nghiệp. Khi ký hợp đồng và quyết toán với Công ty X, Công ty không đồng ý xuất hóa đơn với tư cách cá nhân bà nên 02 bên thống nhất là Công ty X xuất hóa đơn cho Công ty C2.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án xác định hợp đồng giữa Công ty C2 ký kết với Công ty X làm căn cứ giải quyết vụ án. Đồng thời, số tiền 50.000.000 đồng trả cho Công ty T1 là tiền của Công ty C2 do bà đại diện trả.

Vào ngày 16-01-2024, Công ty C2 có đơn khởi kiện ông Lê Quốc H với yêu cầu độc lập. Theo đó, Công ty C2 yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả số tiền là 2.923.000.000 đồng (trong đó 2.623.000.000 đồng đã trả cho Công ty X và 300.000.000 đồng tiền mua vật tư sửa chữa).

Sau khi kiểm tra, tính toán lại các khoản; đồng thời, thấy rằng Công ty C2 cũng có 01 phần lỗi trong việc để xảy ra sự cố công trình. Nay Công ty C2 xác định lại thiệt hại là 2.673.000.000 đồng (gồm 2.623.000.000 đồng đã trả cho Công ty X và 50.000.000

đồng đã trả cho Công ty T1), Công ty C2 chỉ yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả số tiền 70% trên tổng số tiền 2.673.000.000 đồng, tức 1.871.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch so đơn khởi kiện, Công ty C2 rút yêu cầu khởi kiện.

Với tư cách cá nhân (là nguyên đơn), bà rút yêu cầu khởi kiện với số tiền là 2.764.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH C2, ông Võ Văn S1: Thống nhất theo lời trình bày của bà Phạm Thị Hồng C và không ý kiến gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-02-2021 bị đơn ông Lê Quốc H trình bày: Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C, ông không đồng ý trình bày nội dung tranh chấp, ông cần 90 ngày để làm đơn “hồi tố” với bà C và sẽ cung cấp nội dung vụ án cùng các tài liệu chứng cứ có liên quan. Tuy nhiên, sau đó ông H vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thu thập được ý kiến của ông H.

Đại diện Công ty Cổ phần T1 và đại diện Công ty TNHH X: Trình bày thống nhất theo lời trình bày của bà Phạm Thị Hồng C.

Đại diện Công ty TNHH Đ trình bày: Hồ sơ thiết kế do bà C cung cấp là bản phát thảo, Công ty Đ không có phát hành. Công ty Đ không ký bất kỳ hợp đồng thiết kế nào với ông H. Do ông H có quen biết với kiến trúc sư Nguyễn Hoàng S2, giữa ông H với ông S2 có thỏa thuận cá nhân gì không thì Công ty không rõ. Ông S2 đã nghỉ việc tại Công ty từ ngày 01-01-2023. Tới đây, Công ty Đ sẽ có văn bản hoặc đề nghị trực tiếp với ông H, yêu cầu ông H trả lời về lý do sử dụng khung tên mẫu của Công ty cho mục đích cá nhân. Phía Công ty có thể khởi kiện ông H về việc sử dụng tài liệu giả gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, do Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến làm việc, dẫn đến vụ án bị kéo dài.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 133, 138, 139, 144, 146, 147 của Luật Xây dựng; các điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2. Buộc ông Lê Quốc H có nghĩa vụ trả cho Công ty C2 chi phí khắc phục sửa chữa công trình xây dựng số tiền 1.871.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng C và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C2. Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Công Ty TNHH X, Công ty Cổ phần T1, Công ty Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Quốc H đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt không

có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Do nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng C rút yêu cầu khởi kiện; Đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C2 khởi kiện với yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử thay đổi địa vị tố tụng. Cụ thể, với tư cách nguyên đơn là Công ty TNHH C2 và với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Hồng C là phù hợp với quy định tại Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bà Phạm Thị Hồng C rút yêu cầu khởi kiện với số tiền 2.764.000.000 đồng. Công ty C2 rút đơn khởi kiện với số tiền 2.923.000.000 đồng - 1.871.000.000 đồng = 1.052.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C và 01 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C&C là phù hợp với quy định tại các điều 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2, thấy rằng:

[2.1] Ngày 04-12-2018, giữa bà Phạm Thị Hồng C1 và ông Lê Quốc H có ký hợp đồng 01 Hợp đồng về việc xây dựng và gia công hoàn thiện hạng mục phần thô (xây thô) Công trình xây dựng khách sạn một trệt, ba lầu; địa điểm tại khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Giá trị hợp đồng là 6.000.000.000 đồng. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 12 tháng tính từ ngày 04-12-2018. Đi vào thực hiện hợp đồng, ông H xây dựng công trình mà không có bản thiết kế phù hợp. Đến tháng 6-2020 thì hoàn thành nhưng không có nghiệm thu, bàn giao công trình theo đúng như hợp đồng. Phần bà C1 đã giao cho ông H số tiền số tiền 6.030.000.000 đồng, tức vượt 30.000.000 đồng so với hợp đồng nhưng bà C1 không có yêu cầu gì với số tiền trả vượt này nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đến tháng 5-2020 công trình bị lún và nghiêng về phía phía trước, tường bị nứt, kết cấu công trình bị biến dạng không thể sử dụng được. Bà C1 phải thuê Công ty T1 kiểm định, đánh giá chất lượng, kết cấu hiện trạng công trình với số tiền là 50.000.000 đồng và thuê Công ty X khắc phục sự cố với số tiền là 2.623.000.000 đồng. Tổng cộng 2.673.000.000 đồng.

[2.2] Như vậy, công trình đã được xây dựng nhưng “*Không có thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục công trình và không được chủ đầu tư kiểm tra, xác nhận trên bản vẽ*” là vi phạm điểm c khoản 1 Điều 107 của Luật Xây dựng. Cảnh đó, nhà thầu là ông H đã nhận thầu thi công xây dựng công trình không phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của mình và không thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết. Không lập bản vẽ hoàn công, không tham gia nghiệm thu công trình, bàn giao công trình đưa vào sử dụng; dẫn đến công trình không đạt chất lượng là vi phạm các điều 113, 124 và 125 của Luật Xây dựng.

[2.3] Phần bà C1 là chủ đầu tư đã lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng phù hợp với loại công trình thi công xây dựng; không xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến thiết kế trong quá trình thi công xây dựng (công trình xây dựng nhưng không có thiết kế); không tổ chức giám sát và quản lý chất lượng trong thi công công trình, không tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình là vi phạm các điều 112, 124 và 125 của Luật Xây dựng.

[2.4] Từ những nhận định trên thấy rằng cả chủ đầu tư và nhà thầu đều có lỗi trong việc xây dựng công trình không đạt chất lượng dẫn đến phải khắc phục sự cố. Hội đồng xét xử xác định lỗi ở đây là 70% phần của ông H và 30% phần của bà C1. Lý

do, ngoài những nhận như trên thấy rằng, ông H là nhà thầu nên chủ động trong việc tìm bản thiết kế phù hợp với công trình, chủ động trong việc thi công. Mặt khác, khi sự cố xảy ra ông H không cùng bà C1 khắc phục mà trốn tránh trách nhiệm, để mặc bà C1 phải đứng ra giải quyết toàn bộ hậu quả, làm công trình chậm tiến độ, ảnh hưởng đến việc kinh doanh của bà C1.

[2.5] Bà C1 cung cấp các chứng cứ chứng minh chi phí phí kiểm định, đánh giá chất lượng công trình và chi phí khắc phục sửa chữa với tổng số tiền là 2.673.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp. Hội đồng xét xử ghi nhận. Đây là hậu quả tất yếu của việc thi công công trình không tuân thủ theo quy định của Luật Xây dựng. Bà C1 đồng ý chịu 30% thiệt hại tương đương số tiền 802.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thiệt hại còn lại 70% tức số tiền 1.871.000.000 đồng bà C1 yêu cầu ông H có trách nhiệm phải trả, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận, buộc ông H có nghĩa vụ trả là có căn cứ theo quy định tại Điều 113 của Luật Xây dựng.

[2.6] Bà C1 trình bày khi ký hợp đồng với ông H bà chưa thành lập Công ty nên bà ký với tư cách cá nhân. Đến ngày 06-3-2020 bà được cấp giấy chứng nhận đăng ký danh nghiệp là Công ty TNHH C2. Khi ký hợp đồng khắc phục sự cố và quyết toán các khoản tiền thì bà ký với tư cách giám đốc Công ty C2 nên bà yêu cầu ông H trả khoản tiền 1.871.000.000 đồng này cho Công ty C2, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[3] Như vậy, toàn bộ đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc ông H phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Công ty C2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 217, 218, 219, 228 và 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 107, 112, 113, 123 và 124 của Luật Xây dựng Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2.

Buộc ông Lê Quốc H có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH C2 số tiền 1.871.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng C với số tiền yêu cầu là 2.764.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2 C&C với số tiền yêu cầu là 1.052.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Quốc H phải chịu 68.130.000 đồng. Hoàn trả bà Phạm Hồng C 43.640.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015116 ngày 01-02-2021. Hoàn trả Công ty TNHH C2 45.230.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015226 ngày 16-01-2024. Tất cả các biên lai thu đều của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng .

5. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tx Trảng Bàng;
- CC THADS tx Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh